

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-ST

Ngày 19 tháng 8 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Thanh Miện;

2 - Ông Bùi Thế Hanh;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 14/02/2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXX -DS ngày 08/06/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 30/QĐST-DS ngày 19/7/2022; thông báo thay đổi lịch xét xử số: 63/TB-TA ngày 07/8/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đàm Thị Th- Sinh năm 1959 (Có mặt).

Nơi cư trú: thôn Tân Hợp, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay là: Tổ dân phố Tân Hợp; thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử).

Bà Đỗ Thị Đ(Đã chết)

Nơi cư trú: thôn Ninh Giang, xã DanhThắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn Th- Sinh năm 1952 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Hợp Lý, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay là: Tổ dân phố Tân Hợp; thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Hoàng Th– Sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Ninh Giang, xã DanhThắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021, bản tự khai; Biên bản ghi lời khai ngày 12/05/2022 và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Đàm Thị Th trình bày:

Bà và gia đình anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị Đào là chỗ quen biết, anh Nguyễn Văn L và vợ là chị Đỗ Thị Đào có nhiều lần vay mượn tiền của gia đình bà cụ thể như sau:

Ngày 30/4/2011 âm lịch bà cho anh Nguyễn Văn L; chị Đỗ Thị Đào, địa chỉ thôn Ninh Giang, xã Danh Thắng vay số tiền là 35.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền, người vay là anh Lâm và chị Đào có ký, trong giấy vay không thỏa thuận về thời hạn trả cũng như lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng với nhau là 1.000 đồng/01 triệu/01 ngày và thỏa thuận khi nào cần đòi thì phải trả.

Ngày 27/4/2013 (Âm lịch) vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị Đào lại tiếp tục đặt vấn đề vay tiền của gia đình bà, mục đích vay để kinh doanh do thiếu vốn, vợ chồng bà đồng ý cho vay số tiền 125.000.000 đồng và 2000 Euro, hai bên có làm giấy vay tiền vợ chồng anh Lâm và chị Đào ký nhận, trong giấy vay không thỏa thuận về thời hạn trả cũng như lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng với nhau là 1.000 đồng/01 triệu/01 ngày và thỏa thuận giá quy đổi là 25.000.000đồng/1.000.000 Euro là 50.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào cần đòi thì phải trả.

Trong ngày 27/4/2013 giữa vợ chồng bà và anh Lâm, chị Đào cũng làm biên bản để chốt lãi các khoản vay mà anh Lâm chị Đào vay trước đó mà còn nợ lãi và chốt số lãi tính đến ngày 27/4/2013 vợ chồng anh Lâm và chị Đào còn nợ số tiền lãi là 184.000.000 đồng vợ chồng anh Lâm, chị Đào đã ký nhận.

Do chị Đỗ Thị Đào vợ anh Lâm đã chết năm 2013, nên bà yêu cầu anh Lâm và người thừa kế của chị Đào có nghĩa vụ trả cho gia đình bà số tiền nợ vay gốc gồm 35.000.000 đồng + 125.000.0000 đồng + 2.000 Euro (Quy đổi ra là 50.000.000 đồng) và tiền lãi là 1% /01 tháng thời gian tính từ ngày vay cho đến khi kết thúc xét xử và yêu cầu anh Lâm phải trả các khoản lãi cho các khoản vay trước đây, đã chốt là 184.000.000 đồng. bà yêu cầu anh Lâm và những người thừa kế của bà Đào phải trả số tiền còn nợ

Tại biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/4/2022 thì bà Thân yêu cầu anh Lâm phải trả số tiền là 210.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định, ngoài ra bà còn yêu cầu anh Lâm phải trả số tiền lãi đã chốt của các khoản vay trước đây là 184.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2022 Bà Thân có đơn xin rút đối với một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 184.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Bà Thân yêu cầu bà yêu cầu anh Lâm; cháu Thao (người kế thừa đối với tài sản của bà Đỗ Thị Đào phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ bao gồm 160.000.000 đồng gốc và 2000 Euro.

Về tiền lãi bà yêu cầu tính lãi của số tiền 160.000.000 đồng gốc tính lãi từ tháng 4/2013 đến ngày xét xử tính tròn là 09 năm 03 tháng lãi suất là 9% trên năm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L tại biên bản ghi lời khai, ngày 09/3/2022 (BL số 28) anh Lâm trình bày:

Anh và gia đình bà Đàm Thị Th là chỗ quen biết, vợ anh là Đỗ Thị Đào đã chết năm 2013.

Do có sự quen biết với gia đình bà Thân, vợ chồng anh đã nhiều lần vay tiền của gia đình bà Thân, mục đích vay để làm vốn kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình.

Ngày 30/4/2011 (âm lịch), anh có vay của vợ chồng bà Thân, ông Thi, địa chỉ ở Hợp Lý, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang số tiền 35.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền, vợ chồng có ký nhận trong giấy biên nhận vay tiền, anh xác định chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền là chữ ký của vợ chồng ông. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả, tuy nhiên có thỏa thuận miệng với nhau, lãi suất vay thỏa thuận theo lãi ngày 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay khi nào cần đòi thì trả cả lãi và gốc.

Ngày 27/4/2013 anh có vay của gia đình bà Thân số tiền là 125.000.000 và 2.000 Euro, khi vay có làm giấy vay tiền vợ chồng có ký nhận trong giấy biên nhận vay tiền, anh xác định chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền là chữ ký của vợ chồng anh. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả, tuy nhiên có thỏa thuận miệng với nhau, lãi suất vay thỏa thuận theo lãi ngày 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay khi nào cần đòi thì trả cả lãi và gốc, tiền Euro khi vay quy đổi ra tiền Việt Nam bao nhiêu anh không biết.

Tổng số tiền bà Thân khởi kiện là 210.000.000 đồng, quan điểm của anh là đồng ý trả, nhưng xin được trả dần, do điều kiện kinh tế khó khăn.

Đối với khoản chót lãi 184.000.000 đồng trong giấy ngày 27/4/2013, anh công nhận là chữ ký của vợ chồng anh, đây là khoản tiền lãi của các khoản vay trước đây, không liên quan đến các mã vay tiền trên, anh không đồng ý trả số tiền 184.000.000 đồng.

Do điều kiện công việc anh có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Tại biên bản làm việc xác minh tại địa phương, thể hiện bà Đỗ Thị Đào đã chết, sau khi chết tài sản của vợ chồng thì hiện nay anh Nguyễn Văn L là chồng vẫn đang quản lý và sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Thtại biên bản ghi lời khai, ngày 20/7/2022 anh Thao trình bày:

Anh là con đẻ ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị Đào việc bố mẹ anh vay nợ đối với bà Thân thế nào thì anh không biết, mẹ anh mất năm 2013, sau khi mẹ anh mất thì tài sản do bố anh quản lý.

Đến tháng 7/2022 thì gia đình phân chia di sản thừa kế và bố anh đã làm hợp đồng tặng cho toàn bộ thửa đất sang tên cho anh, hiện nay nhà và đất là của anh và anh đang quản lý và sử dụng. Việc bà Thân yêu cầu anh trả số tiền nợ thì anh không đồng ý và anh xác định đây là công nợ của bố mẹ, anh không liên quan, và không biết. Anh có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa có quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm quyền thụ lý đúng qui định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng qui định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng qui định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho các đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thời hạn xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo qui định của pháp luật.

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 128, 135, 137, 476, 478 và 305 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 288; Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ các Điều 12; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố một phần giao dịch dân sự lập ngày 27/4/2013 giữa Bà Đàm Thị Th và anh Nguyễn Văn L, chị Đỗ Thị Đào bị vô hiệu, buộc anh Nguyễn Văn L; anh Nguyễn Hoàng Thphải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đàm Thị Th, ông Bùi Văn Th số tiền 2000 Euro (Hai hai nghìn Euro) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 48.258.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị Th; Buộc ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Hoàng Thphải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đàm Thị Th và ông Bùi Văn Th số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/8/2022 tình tròn là 09 năm 03 tháng là 293.200.000 đồng. (Hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Hoàng Thphải liên đới chịu 14.660.000 (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Phần giao dịch dân sự bị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu bà Thân phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng tuy nhiên do bà Thân thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị quyền kháng cáo; Tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, xét thấy:

[1]- Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn L; ông Bùi Văn Th; anh Nguyễn Hoàng Thlà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- **Về quan hệ tranh chấp:** Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Bà Đàm Thị Th đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ và có căn cứ. Khi vay tiền các bên đương sự có viết giấy biên nhận vay tiền, đã thể hiện sự giao kết hợp đồng, vì vậy biên nhận vay tiền là một dạng thỏa thuận giao kết hợp đồng, cho nên tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không có đơn yêu cầu xem xét về thời hiệu nên HĐXX không xem xét.

[4]- Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật dân sự 2015, vì vậy cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản qui phạm pháp luật qui định chi tiết Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[5]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Thân yêu cầu anh Nguyễn Văn L và người thừa kế đối với tài sản có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 210.000.000 đồng gốc thì thấy:

Theo lời trình bày của bà Thân (Nguyên đơn); anh Lâm (Bị đơn; Ông Thi (Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc anh Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị Đào vay tiền của gia đình bà Thân và ông Thi nhiều lần cụ thể;

Ngày 30/4/2011 âm lịch anh Nguyễn Văn L vợ chị Đỗ Thị Đào vay số tiền là 35.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2013 anh Nguyễn Văn L vợ chị Đỗ Thị Đào vay số tiền là 125.000.000 đồng và 2000 Euro, khi vay cả hai lần vay trên đều lập Biên bản giấy vay tiền vợ chồng anh Lâm ký nhận (Tại biên bản ghi lời khai anh Lâm thừa nhận là chữ ký của vợ chồng anh và thừa nhận số tiền vay nợ gia đình bà Thân nên khẳng định việc vay tiền giữa anh Nguyễn Văn L; chị Đỗ Thị Đào và gia đình bà Thân và ông Thi là có thật. Nên xác định đây là công nợ chung của vợ chồng, nên vợ chồng anh Lâm và chị Đào phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ, là phù hợp với quy định theo quy định tại điều 288 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật HNGĐ.

- Về nội dung hợp đồng: Đối với hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2011 các bên đã làm giấy biên nhận vay tiền, vợ chồng anh Lâm đã ký nhận, anh Lâm đã thừa nhận nội dung của giấy biên nhận và thừa nhận chữ ký trong hợp đồng vay tiền là đúng của vợ chồng anh, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên được pháp luật bảo vệ. bà Thân khởi kiện đòi số tiền trên anh Lâm đồng ý trả, nhưng xin được trả dần.

Ngày 27/4/2013 anh Nguyễn Văn L vợ chị Đỗ Thị Đào vay số tiền là 125.000.000 đồng và 2000 Euro HĐXX thấy rằng.

+ Đối với khoản tiền 2000 Euro (Hai nghìn Euro) là giao dịch bằng ngoại tệ: Do đó, các giao dịch giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam là trái với quy định tại Điều 22 pháp lệnh ngoại hối vì hai bên không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Vì vậy, giao dịch ngày 27/4/2013 giữa bà Nguyễn Thị Thân và anh

Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Đào bị vô hiệu một phần do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 128 và Điều 135 của BLDS năm 2005.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo qui định tại Điều 137 của BLDS năm 2005; Cần buộc anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị Đào phải hoàn trả cho bà Đàm Thị Th và ông Bùi Văn Th số tiền 2000 Euro (Hai nghìn Euro) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 24.290 đồng quy đổi thanh tiền VNĐ = 48.258.000 đồng.

Về lỗi làm cho giao dịch dân sự bị vô hiệu một phần: Bà Đàm Thị Th là người cho anh Lâm và chị Đào vay số tiền 2000 Euro (Hai nghìn Euro) mặc dù các đương sự không biết qui định giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam là trái; Tuy nhiên, Bà Thân là người có tiền ngoại tệ cho vay vì vậy buộc bà Thân phải biết các qui định về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, cần xác định lỗi hoàn toàn thuộc về bên cho vay là bà Đàm Thị Th.

Đối với số tiền vay 125.000.000 đồng, hai bên có giấy biên nhận vay tiền, anh Lâm và chị Đào có ký nhận, bà Thân khởi kiện đòi số tiền trên anh Lâm đồng ý trả, nhưng xin được trả dần,

Đối với các khoản vay trên xác định là công nợ chung của vợ chồng ông Lâm và bà Đào được hình thành trong thời kỳ hôn nên ông Lâm và bà Đào phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Thân và ông Thi số tiền nợ trên là phù hợp với điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Năm 2013 thì bà Đỗ Thị Đào đã chết, hiện nay tài sản chung của vợ chồng do anh Nguyễn Hoàng Th(là con) là người được thừa kế đối với di sản thừa kế do bà Đỗ Thị Đào để lại được thể hiện tại văn bản phân chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất được lập ngày 12/7/2022 Tại UBND xã Danh Thắng đối với thửa đất số 95; tờ bản đồ số 16; diện tích 73.5m²; Vị trí thửa đất tại Thôn Xuân Bái, xã Danh Thắng; huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập ngày 12/7/2022 Tại UBND xã Danh Thắng, hiện nay thửa đất trên đã được chỉnh lý mang tên anh Nguyễn Hoàng Thngày 22/7/2022; Xác minh tại địa phương thì thửa đất trên có giá chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm xác minh là 2.000.000.000 đồng; Theo quy định tại điều Điều 615 Bộ luật dân sự Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

“1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Do vậy anh Nguyễn Hoàng Thlà người kế thừa thừa đối với tài sản của người chết là bà Đỗ Thị Đào để lại, nên anh Thao phải có nghĩa vụ đối với khoản nợ của bà Đỗ Thị Đào nên yêu cầu khởi kiện của bà Thân buộc anh Nguyễn Hoàng Thcó nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự.

+ Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn thì thấy: Mặc dù trong hợp đồng ngày 30/4/2011 và hợp đồng vay tiền 27/4/2013 các đương sự không qui định về lãi suất nhưng các đương sự đều xác định có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất và có thỏa thuận với nhau về thời hạn trả, “Khi nào cần đòi thì phải trả” do đó cần xác định hợp đồng vay tiền giữa các bên là có lãi, Nguyên đơn bà Thân yêu cầu anh Lâm; và người kế thừa đối với tài sản của bà Đào đã chết để lại là anh Nguyễn Hoàng Thtrả số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thân yêu cầu tiền lãi của số tiền 160.000.000 đồng lãi suất 9%/01 năm từ ngày vay, ngày 27/4/2013 đến khi kết thúc

phiên tòa tình tròn là 09 năm 03 tháng. Đối với khoản tiền 2000 EURO bà không yêu cầu tính lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Tại thời điểm ngày 01/12/2010 Ngân hàng nhà nước công bố lãi suất cơ bản là 9%/năm theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Như vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 09%/năm là phù hợp và cần được chấp nhận.

Số tiền lãi anh Lâm; anh Thao phải trả cho bà Thân và ông Thi được tính theo lãi suất như sau: 09%/năm, tương ứng với 0,75%/tháng.

- Tiền lãi ông Lâm; anh Thao phải trả trong 09 năm 03 tháng (Quy đổi thành 111 tháng): $160.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 111 \text{ tháng} = 133.200.000 \text{ đồng}$;

Tổng số tiền cả gốc và lãi anh Nguyễn Văn L; anh Nguyễn Hoàng Th phải trả bà Thân và ông Thi là:

$160.000.000 \text{ đồng} + 133.200.000 \text{ đồng} = 293.200.000 \text{ đồng}$. (Hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

[6]- Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền lãi 184.000.000 của bà Đàm Thị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 5; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, được HĐXX chấp nhận, nên đình chỉ đối với yêu cầu trên của bà Đàm Thị Th.

[7]- Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn L; anh Nguyễn Hoàng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phần giao dịch dân sự bị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu bà Thân phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, do bà Thân thuộc đối tượng người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 128, 135, 137, 476, 478 và 305 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 288; Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ các Điều 12; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố một phần giao dịch dân sự lập ngày 27/4/2013 giữa Bà Đàm Thị Th và anh Nguyễn Văn L, chị Đỗ Thị Đào bị vô hiệu, buộc ông Nguyễn Văn L; anh Nguyễn Hoàng Th phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đàm Thị Th, ông Bùi Văn Th số tiền 2000 Euro (Hai hai nghìn Euro) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 24.290 đồng quy đổi thành tiền VNĐ = 48.258.000 đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng)

2. Chấp nhận một phần một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị Th; Buộc ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Hoàng Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đàm Thị Th và ông Bùi Văn Th số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/8/2022 tình tròn là 09 năm 03 tháng là 293.200.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó (160.000.000 đồng tiền nợ gốc và 133.200.000 đồng tiền lãi).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Hoàng Th phải liên đới chịu 14.660.000 (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Phần giao dịch dân sự bị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu bà Thân phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng tuy nhiên do bà Thân thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4; Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần

